

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(ban hành kèm theo Quyết định số 735/QĐ-HVCSPT ngày 19 tháng 07 năm 2024
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

NGÀNH ĐÀO TẠO : QUẢN TRỊ KINH DOANH
MÃ SỐ : 7340101
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO : ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH : QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO GIẢNG DẠY BẰNG TIẾNG ANH)

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Quản trị kinh doanh, chương trình chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý và quản trị hiện đại; có phẩm chất chính trị và trách nhiệm xã hội, đạo đức và sức khỏe tốt; có khả năng tư duy độc lập và năng lực tự tìm tòi, bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc; có khả năng làm việc độc lập, tự chủ và sáng tạo trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp trong môi trường trong nước và quốc tế. Với bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra trên nhiều mặt, chương trình đặt mục tiêu đào tạo các cử nhân có kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp với các công việc trong môi trường kinh tế hội nhập toàn cầu có tính cạnh tranh cao, đa dạng trong nhu cầu sử dụng nhân sự.

1.2. Mục tiêu cụ thể

+ **PO 1:** Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực tư tưởng chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế, chính sách công, pháp luật; xây dựng lập trường tư tưởng chính trị, khoa học xã hội và nhân văn; nắm vững những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hiểu biết về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Đồng thời cung cấp khả năng phân tích, đánh giá và nhìn nhận các vấn đề cơ bản đó trong bối cảnh thực tiễn Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế.

+ **PO 2:** Trang bị cho người học những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nền kinh tế nói chung và ngành quản trị kinh doanh nói riêng, cụ thể: i) Kiến thức cơ bản về khối ngành kinh doanh và quản lý cho phép sinh viên vận dụng các công cụ phân tích các chính sách kinh tế và hoạt động kinh doanh; (ii) Kiến thức nền tảng cơ bản và các kiến thức chuyên môn về quản trị doanh nghiệp hiện đại như marketing, nhân sự, tài chính, kế toán quản trị, phân tích báo cáo tài chính, quản lý dự án; (iii) Kiến thức cơ bản về các lĩnh vực liên quan, hỗ trợ cho hoạt động quản trị kinh doanh như tài chính, kinh tế đối ngoại, pháp luật doanh nghiệp; (iv) Kiến thức chuyên môn về các vấn đề kinh doanh quốc tế, ảnh hưởng từ sự biến động các biến số kinh tế vĩ mô tới nền kinh tế nói chung và các hoạt động kinh doanh nói riêng.

+ **PO 3:** Cử nhân chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Chương trình chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh có khả năng vận dụng các kiến thức quản lý chuyên sâu và kỹ năng nghiệp vụ kinh doanh để đảm nhiệm tốt các công việc khác nhau trong các lĩnh vực như quản lý, marketing, nhân sự, tài chính, ngân hàng, kế toán, thuế, bảo hiểm,... tại các doanh nghiệp trong

nước và quốc tế, tại các cơ quan quản lý nhà nước hay tham gia quá trình tư vấn, hoạch định, đánh giá các chính sách kinh tế - quản lý tại các cơ quan nhà nước.

+ **PO 4:** Trang bị các phương pháp nghiên cứu, khả năng ngoại ngữ, kỹ năng mềm như kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng thuyết trình, và tư duy khoa học, sáng tạo trong công việc... để người học tăng khả năng thích ứng với các vị trí công việc khác nhau trong tương lai. Chú trọng khả năng giao tiếp, trao đổi chuyên môn bằng tiếng Anh với các đồng nghiệp, đối tác; rèn luyện đức tính tự giác, kiên trì, năng lực tự học để đáp ứng nhu cầu và mục tiêu học tập các chương trình sau đại học bao gồm thạc sĩ, nghiên cứu sinh và tiến sĩ.

+ **PO 5:** Cử nhân chuyên ngành Quản trị kinh doanh chương trình chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành pháp luật, nội quy của đơn vị; có tinh thần chủ động sáng tạo, nhiệt tình và năng lực hợp tác trong thực hiện và chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ được giao.

1.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học

+ Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

+ Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist) hoặc các chứng chỉ tương đương khác theo quy định của học viện, sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

+ Có đủ điều kiện và khả năng tự nghiên cứu, phát triển trình độ kiến thức và tham gia đào tạo ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.

+ Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức ngành Quản trị kinh doanh với các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam và quốc tế.

+ Độc lập thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học, sản phẩm liên quan đến lĩnh vực Quản trị kinh doanh.

Đặc biệt, sau khi ra trường, sinh viên có thể đảm nhiệm một số vị trí việc làm như sau:

+ Chuyên viên phát triển kinh doanh: Tìm kiếm và phát triển các cơ hội kinh doanh mới, làm việc tại các công ty khởi nghiệp và doanh nghiệp tăng trưởng cao.

+ Nhà quản lý dự án: Quản lý và điều phối các dự án quan trọng, đảm bảo tiến độ và chất lượng tại các công ty công nghệ, xây dựng và dịch vụ.

+ Chuyên viên marketing quốc tế: Phát triển và triển khai các chiến lược marketing toàn cầu, làm việc tại các công ty đa quốc gia và agency quảng cáo.

+ Quản lý nhân sự: Tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, làm việc tại các tập đoàn lớn và công ty tư vấn nhân sự.

+ Chuyên viên tài chính và kế toán: Phân tích tài chính, lập báo cáo và quản lý ngân sách tại các công ty tài chính, ngân hàng và doanh nghiệp.

+ Nhà tư vấn chiến lược: Cung cấp các giải pháp chiến lược cho doanh nghiệp, làm việc tại các công ty tư vấn quản lý và chiến lược hàng đầu.

2. Chuẩn đầu ra:

2.1. Chuẩn đầu ra CTĐT.

A. Chuẩn đầu ra về kiến thức

A.1. Chuẩn đầu ra chung của ngành Quản trị kinh doanh

PLO 1.1: Nắm vững được phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin và của Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu về thể chế nhà nước, quy trình và tác động của chính sách, vận dụng vào giải quyết vấn đề thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

PLO 1.2: Hiểu, vận dụng các quy luật của kinh tế thị trường, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế lượng vào thực tiễn để giải quyết vấn đề kinh tế - xã hội, đưa ra các quyết định kinh doanh thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

PLO1.3: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về nền kinh tế nói chung và cách thức vận hành của thị trường kinh tế-kinh doanh nói riêng để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh.

PLO 1.4: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ kinh tế, quản lý doanh nghiệp, pháp luật doanh nghiệp, kế toán, nhân sự, quản trị tài chính vào việc tổ chức thực hiện trong thực tế;.

A.2. Chuẩn đầu ra riêng của chuyên ngành

PLO 1.5: Phân tích các hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như: Quản trị vận hành, Quản trị Marketing, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị dự án, Khởi sự doanh nghiệp, Kế toán và tài chính doanh nghiệp, Quản lý chuỗi cung ứng,...

PLO 1.6: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng chuyên sâu để phân tích, đánh giá và phân tích tình hình vận hành và quản lý của doanh nghiệp, giải quyết các tình huống sản xuất và quản trị chiến lược và quản trị rủi ro vận hành. Có khả năng hoạch định chiến lược doanh nghiệp, xây dựng các dự án, kế hoạch kinh doanh trong thực tiễn

PLO 1.7: Phân tích các vấn đề chuyên sâu về kinh tế và kinh doanh quốc tế, về mối liên hệ giữa các chính sách kinh tế quốc tế, các hiệp định thương mại quốc tế, sự biến động của thị trường kinh doanh toàn cầu cũng như ảnh hưởng của các biến số này tới nền kinh tế quốc gia và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

B. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

B.1. Kỹ năng nghề nghiệp

PLO 2.1: Có kỹ năng nghiệp vụ trong các ngành nghề khác nhau như kế toán, nhân sự, khởi sự doanh nghiệp, tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, thuế... tại các đơn vị Nhà Nước hoặc doanh nghiệp tư nhân trong nước và quốc tế.

B.2. Kỹ năng mềm

PLO 2.2: Năng lực ngoại ngữ đạt bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

PLO 2.3: Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.

C. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp

PLO 3.1: Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; tác phong làm việc chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời để phát triển năng lực cá nhân

PLO 3.2: Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có khả năng đưa ra được kết luận về lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh ở mức độ căn bản và một số vấn đề mức độ chuyên sâu; đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo của một tổ chức.

2.2. Tiêu chí đánh giá (Ma trận PI)

CĐR của CTĐT (PLO)	Mã PI	Nội dung tiêu chí đánh giá
PLO 1.1: Nắm vững được phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin và của Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu về thể chế nhà nước, quy trình và tác động của chính sách, vận dụng vào giải quyết vấn đề thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.	PI 1.1.1	Trình bày được phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác- Lê nin, tư tưởng HCM, vận dụng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn
	PI 1.1.2	Hiểu về thể chế Nhà nước; trình bày được quy trình xây dựng và thực thi chính sách. Phân tích được tình huống tác động của chính sách tới tình hình kinh tế xã hội tại Việt Nam.
PLO 1.2: Hiểu, vận dụng các quy luật của kinh tế thị trường, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế lượng vào thực tiễn để giải quyết vấn đề kinh tế - xã hội, đưa ra các quyết định kinh doanh thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới	PI 1.2.1	Nắm vững kiến thức toán, thống kê, phương pháp nghiên cứu, vận dụng vào giải bài toán kinh tế, tìm điểm tối ưu trong kinh doanh.
	PI 1.2.2	Nắm vững nguyên lý của kinh tế lượng, lý thuyết về kinh tế thị trường, vận dụng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Phân tích, bình luận được các tình huống kinh tế - xã hội
PLO 1.3: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về nền kinh tế nói chung và cách thức vận hành của thị trường kinh tế-kinh doanh nói riêng để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh.	PI 1.3.1	Hiểu rõ về quy trình kinh tế, kinh doanh, xử lý các quy định trong quản lý doanh nghiệp và các chính sách kinh tế
	PI 1.3.2	Phân tích và nắm vững các quy định , chính sách về kinh tế, và có khả năng đưa ra các quyết định quản trị doanh nghiệp.
PLO 1.4: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ kinh tế, quản lý doanh nghiệp, pháp luật doanh nghiệp, kế toán, nhân sự, quản trị tài chính vào việc tổ chức thực hiện trong thực tế.	PI 1.4.1	Hiểu rõ về quy trình quản lý doanh nghiệp, quy định và các chính sách pháp luật, kế toán, nhân sự.
	PI 1.4.2	Áp dụng những kiến thức này để xử lý các vấn đề phức tạp trong việc lên kế hoạch kinh doanh và quản lý doanh nghiệp.

<p>PLO 1.5: Phân tích các hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như: Quản trị vận hành, Quản trị Marketing, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị dự án, Khởi sự doanh nghiệp, Kế toán và tài chính doanh nghiệp, Quản lý chuỗi cung ứng,...</p>	<p>PI 1.5.1</p>	<p>Nắm vững kiến thức sâu về sản xuất và vận hành, marketing và nghiên cứu thị trường, quản lý dòng tiền trong doanh nghiệp</p>
	<p>PI 1.5.2</p>	<p>Có khả năng phân tích các báo cáo tài chính để đánh giá hiệu suất hoạt động của doanh nghiệp, đưa ra đề xuất cải thiện và đưa ra quyết định nhân sự dựa trên báo cáo doanh nghiệp; phân tích và đánh giá rủi ro các sản phẩm, và đưa ra đề xuất cải thiện và quản lý rủi ro.</p>
<p>PLO 1.6: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng chuyên sâu để phân tích, đánh giá và phân tích tình hình vận hành và quản lý của doanh nghiệp, giải quyết các tình huống sản xuất và quản trị chiến lược và quản trị rủi ro vận hành. Có khả năng hoạch định chiến lược doanh nghiệp, xây dựng các dự án, kế hoạch kinh doanh trong thực tiễn</p>	<p>PI 1.6.1</p>	<p>Có khả năng lập kế hoạch kinh doanh, quản trị marketing, quản trị tác nghiệp, quản trị tài chính, quản trị nhân lực, quản trị điều hành dự án, quản trị hậu cần, quản trị chuỗi cung ứng</p>
	<p>PI 1.6.2</p>	<p>Nắm vững kỹ năng đọc, hiểu và phân tích các báo cáo thị trường, báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo tài sản; có khả năng lên ý tưởng khởi nghiệp và thực hiện việc khởi nghiệp.</p>
<p>PLO 1.7: Phân tích các vấn đề chuyên sâu về kinh tế và kinh doanh quốc tế, về mối liên hệ giữa các chính sách kinh tế quốc tế, các hiệp định thương mại quốc tế, sự biến động của thị trường kinh doanh toàn cầu cũng như ảnh hưởng của các biến số này tới nền kinh tế quốc gia và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p>	<p>PI 1.7.1</p>	<p>Nắm vững các khía cạnh của kinh doanh quốc tế; hiểu về các thỏa thuận thương mại quốc tế, chính sách kinh tế quốc tế và vai trò của các tổ chức thương mại quốc tế; có khả năng áp dụng kiến thức này để phân tích hiệu quả và rủi ro trong môi trường kinh doanh quốc tế.</p>
	<p>PI 1.7.2</p>	<p>Hiểu cơ chế tác động của lạm phát, lãi suất và sự biến động của thị trường quốc tế đến sự tiêu dùng và xuất nhập khẩu; phân tích và đánh giá tác động của chính sách và biến động thị trường quốc tế lên doanh nghiệp để đưa ra dự báo và kiểm soát rủi ro .</p>

<p>PLO 2.1: Có kỹ năng nghiệp vụ trong các ngành nghề khác nhau như kế toán, nhân sự, khởi sự doanh nghiệp, tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, thuế... tại các đơn vị Nhà Nước hoặc doanh nghiệp tư nhân trong nước và quốc tế.</p>	<p>PI 2.1.1</p>	<p>Hiểu và áp dụng các quy định, quy trình và phương pháp nghiệp vụ trong các lĩnh vực Quản trị kinh doanh; có khả năng giải quyết các vấn đề thực tế, xử lý tài liệu, và thực hiện các hoạt động liên quan đến kế toán, tài chính doanh nghiệp, nhân sự, thuế, quản lý chuỗi cung ứng.</p>
	<p>PI 2.1.2</p>	<p>Hiểu biết về các quy tắc, quy định và thực tiễn kinh doanh trong các nước khác nhau; có khả năng thích nghi với sự đa dạng văn hóa và phong cách làm việc của các quốc gia khác nhau; có khả năng làm việc trong các công ty đa quốc gia, đối tác kinh doanh quốc tế và tổ chức quốc tế.</p>
<p>PLO 2.2: Năng lực ngoại ngữ đạt bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.</p>	<p>PI 2.2.1</p>	<p>Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đáp ứng yêu cầu công việc</p>
	<p>PI 2.2.2</p>	<p>Sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.</p>
<p>PLO 2.3: Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.</p>	<p>PI 2.3.1</p>	<p>Có kiến thức về nghiên cứu khoa học: hình thành được ý tưởng, vấn đề, mục tiêu, câu hỏi và giả thuyết; hình thức và cấu trúc đề cương của một đề tài nghiên cứu</p>
	<p>PI 2.3.2</p>	<p>Biết cách làm việc nhóm và thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.</p>

<p>PLO 3.1: Có phẩm chất chính trị; sức khoẻ tốt; lối sống lành mạnh; Tác phong làm việc chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời để phát triển năng lực cá nhân.</p>	<p>PI 3.1.1</p>	<p>Có phẩm chất chính trị, sức khoẻ tốt, lối sống lành mạnh, có trách nhiệm xã hội, tuân thủ các quy tắc của tổ chức và đạo đức nghề nghiệp.</p>
	<p>PI 3.1.2</p>	<p>Tác phong làm việc chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời để phát triển năng lực cá nhân.</p>
<p>PLO 3.2: Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có khả năng đưa ra được kết luận về lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh ở mức độ căn bản và một số vấn đề mức độ chuyên sâu; đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo của một tổ chức.</p>	<p>PI 3.2.1</p>	<p>Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó, tinh thần tự chịu trách nhiệm, thái độ hợp tác và sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.</p>
	<p>PI 3.2.2</p>	<p>Biết cách sử dụng các công cụ quản lý để từ đó có thể quyết định quản lý và có tư duy lãnh đạo tổ chức.</p>

3. Ma trận liên kết giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT

Ký hiệu CĐR	CĐR của chương trình đào tạo	Mục tiêu CTĐT				
		PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5
PLO 1.1	Nắm vững được phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin và của Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu về thể chế nhà nước, quy trình và tác động của chính sách, vận dụng vào giải quyết vấn đề thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.					X
PLO 1.2	Hiểu, vận dụng các quy luật của kinh tế thị trường, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế lượng vào thực tiễn để giải quyết vấn đề kinh tế - xã hội, đưa ra các quyết định kinh doanh thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới	X				X
PLO 1.3	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về nền kinh tế nói chung và cách thức vận hành của thị trường kinh tế-kinh doanh nói riêng để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh	X	X	X		
PLO 1.4	Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ kinh tế, quản lý doanh nghiệp, pháp luật doanh nghiệp, kế toán, nhân sự, quản trị tài chính vào việc tổ chức thực hiện trong thực tế.					X
PLO 1.5	Phân tích các hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như: Quản trị vận hành, Quản trị Marketing, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị dự án, Khởi sự doanh nghiệp, Kế toán và tài chính doanh nghiệp, Quản lý chuỗi cung ứng,...		X	X		
PLO 1.6	Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng chuyên sâu để phân tích, đánh giá và phân tích tình hình vận hành và quản lý của		X	X		

	doanh nghiệp, giải quyết các tình huống sản xuất và quản trị chiến lược và quản trị rủi ro vận hành. Có khả năng hoạch định chiến lược doanh nghiệp, xây dựng các dự án, kế hoạch kinh doanh trong thực tiễn					
PLO 1.7	Phân tích các vấn đề chuyên sâu về kinh tế và kinh doanh quốc tế, về mối liên hệ giữa các chính sách kinh tế quốc tế, các hiệp định thương mại quốc tế, sự biến động của thị trường kinh doanh toàn cầu cũng như ảnh hưởng của các biến số này tới nền kinh tế quốc gia và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp		X	X		
PLO 2.1	Có kỹ năng nghiệp vụ trong các ngành nghề khác nhau như kế toán, nhân sự, khởi sự doanh nghiệp, tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, thuế... tại các đơn vị Nhà Nước hoặc doanh nghiệp tư nhân trong nước và quốc tế.		X	X	X	
PLO 2.2	Năng lực ngoại ngữ đạt bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.				X	
PLO 2.3	Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.				X	X
PLO 3.1	Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; Tác phong làm việc chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời để phát triển năng lực cá nhân.					X
PLO 3.2	Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có khả năng đưa ra được kết luận về lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh ở mức độ căn bản và một số vấn đề mức độ chuyên sâu; đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo của một tổ chức.	X			X	X

4. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Chuẩn đầu ra CTĐT											
				PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 1.6	PLO 1.7	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 3.1	PLO 3.2
1. Kiến thức giáo dục đại cương															
1	THML04	Triết học Mác-Lênin	3	3											x
2	THKT05	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	3											x
3	THĐL04	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	3											x
4	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3											x
5	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	3											x
6	TOCC03	Toán cao cấp 1	3		3									x	x
7	TOCC02	Toán cao cấp 2	3		3									x	x
8	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		3										x
9	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		3		2					x		x	
10	TOĐC06	Tin học đại cương	3				3					x		x	x
11	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	8	3					2					x	x
12	GDTC08	Giáo dục thể chất 1	2												x
13	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	2												x
14	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	2												x

STT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Chuẩn đầu ra CTĐT												
				PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 1.6	PLO 1.7	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 3.1	PLO 3.2	
15	NNIL1.1	Tiếng Anh IELTS 1.1	6												x	
16	NNIL1.2	Tiếng Anh IELTS 1.2	6									x			x	
17	NNIL1.3	Tiếng Anh IELTS 1.3	6									x			x	
18	NNIL1.4	Tiếng Anh IELTS 1.4	6									x			x	
<i>Không tính điểm</i>																
19	NNPR 1.1	Pre IELTS 1.1	4									x				
20	NNPR 1.2	Pre IELTS 1.2	4									x				
21	NNPR 1.3	Pre IELTS 1.3	4									x				
22	NNPR 1.4	Pre IELTS 1.4	4									x				
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																
2.1 Kiến thức cơ sở ngành																
2.1.1 Cơ sở ngành bắt buộc																
1	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	2		2						x			x	x
2	CLCTC18	Tài chính doanh nghiệp	3			2						x				
3	TOKT05	Kinh tế lượng	3		2	2	2							x		x
4	CLCHO10	Quản trị học	3			2	2					x	x		x	
5	CLCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3				2					x	x		x	
6	CLCMR24	Marketing căn bản	3			5	2					x	x	x	x	
7	CLCKT21	Nguyên lý kế toán	4	2	2		2						x	x	x	x

STT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Chuẩn đầu ra CTĐT												
				PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 11.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 1.6	PLO 1.7	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 3.1	PLO 3.2	
8	LUQT03	Pháp luật kinh tế	3									x				
9	CLCMI01	Kinh tế vi mô 1	3			3	3						x		x	x
10	CLCMA01	Kinh tế vĩ mô 1	3			2							x		x	x
2.1.2 Cơ sở ngành tự chọn																
1	CLCDT19	Đầu tư quốc tế	3									x	x	x		x
2	CLCCL06	Kinh tế vi mô 2	3			2	2					x	x	x		
3	CLCHO10	Kinh tế vĩ mô 2	3			2	2									
4	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3			2										x
5	CLCHV12	Pháp luật doanh nghiệp	2									x	x			x
6	CLCQH15	Quan hệ công chúng	3									x	x		x	
7	CLCTT11	Nguyên lý hệ thống thông tin	3		2							x		x		
2.2 Kiến thức ngành																
2.2.1 Ngành bắt buộc																
1	CLCTM04	Quản trị nhân lực	3				2	3	3			x	x	x	x	x
2	CLCTT05	Quản trị vận hành 1	3		2			3				x	x		x	x
3	CLCKD17	Giới thiệu về Kinh doanh	3		2							x	x			
4	CLCCL06	Quản trị chiến lược	3		2		2	3	3	3		x				
2.2.2 Cơ sở ngành lựa chọn																
1	CLCTM04	Thương mại quốc tế	3	2		2	2						x		x	x

STT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Chuẩn đầu ra CTĐT											
				PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 11.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 1.6	PLO 1.7	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 3.1	PLO 3.2
2	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3				2	3	3	3	x	x		x	x
3	LUKT33	Luật kinh doanh và thương mại quốc tế	3	2	2		2				x	x	x		
4	CLCTN02	Quản trị dự án	3						3	3	x	x	x		x
5	CLCKH13	Phân tích và Dự báo Kinh tế vĩ mô	3					2	3		x	x	x	x	x
2.3 Kiến thức chuyên ngành															
2.3.1 Chuyên ngành bắt buộc															
1	CLCLV14	Logistic và vận tải quốc tế	3					3	3	4	x	x	x	x	x
2	CLCKT20	Kế toán quản trị	3					3	3	4	x	x	x	x	x
2	CLCMR01	Thuế và hệ thống thuế	3					3	3	4	x	x			x
3	CLCTC22	Quản trị chuỗi cung ứng	3					3	3	4	x	x	x		x
2.3.2 Chuyên ngành lựa chọn															
1	CLCDP08	Đàm phán	3					3	3	4	x	x		x	x
2	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	3					3	3	4					x
3	KTKD15	Thương mại điện tử và Kinh tế số	3					3	3	4		x			x
4	CLCKT13	Phân tích báo cáo tài chính	3					3	3	4				x	
5	CLCTH16	Marketing quốc tế	3					3	3	4	x	x	x	x	x

STT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Chuẩn đầu ra CTĐT											
				PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 1.6	PLO 1.7	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 3.1	PLO 3.2
2.4 Thực tập, học phần tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp															
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4			2	3	3	3	4	x	x	x	x	x
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6			2	3	3	3	4	x		x		x
3	CLCTN02	Tài chhhh doanh nghiệp quốc tế	3					3	3	4	x	x	x		x
4	CLCTN03	Quản trị Marketing quốc tế	3					3	3	4		x	x		x

- 5. Thời gian đào tạo:** 3,5 - 4 năm
- 6. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 132 tín chỉ
- 7. Đối tượng tuyển sinh:** Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo và Quy chế đào tạo đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định của Học viện.
- 8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:**
- 9. Thang điểm:** Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

10. Cấu trúc kiến thức của Chương trình đào tạo

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
1.KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC&QP)	50	14	37.9
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	82	26	65.2
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	36	12	27.3
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	30	10	22.7
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	06	2	4.5
2.2. Kiến thức ngành	18	6	13,6
2.2.1. Ngành bắt buộc	12	4	9,1
2.2.2. Ngành tự chọn	06	2	4,5
2.3. Kiến thức chuyên ngành	18	6	13,6
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	12	4	9,1
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	06	2	4,5
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	2	7,6
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)	132	40	100%

11. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số TC	Học kỳ
1. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			50	
1	THML04	Triết học Mác-Lênin	3	1
2	THKT05	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2
3	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3
4	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	4
5	THĐL04	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	4
6	TOCC03	Toán cao cấp 1	3	1
7	TOCC02	Toán cao cấp 2	3	2
8	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3
9	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	5
10	TOĐC06	Tin học đại cương	3	2
11	NNIL1.1	Tiếng Anh IELTS 1.1	6	1
12	NNIL1.2	Tiếng Anh IELTS 1.2	6	2
13	NNIL1.3	Tiếng Anh IELTS 1.3	6	2
14	NNIL1.4	Tiếng Anh IELTS 1.4	6	3
2	GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG		8	
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng *	8	4
3	GIÁO DỤC THỂ CHẤT		6	
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2	1
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2	2
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	3
4	Không tính điểm			
1	NNPR 1.1	Pre IELTS 1.1	4	1
2	NNPR 1.2	Pre IELTS 1.2	4	2
3	NNPR 1.3	Pre IELTS 1.3	4	2
4	NNPR 1.4	Pre IELTS 1.4	4	3
5	CƠ SỞ NGÀNH (BẮT BUỘC)		30	
1	QLCD01	Chuyên đề thực tế	3	6
2	CLCTC18	Tài chính doanh nghiệp	3	5
3	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4
4	LUQT03	Pháp luật kinh tế	3	2
5	CLCHO10	Quản trị học	3	6
6	CLCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	5
7	CLCMR24	Marketing căn bản	3	4
8	CLCKT21	Nguyên lý kế toán	3	3
9	CLCMI01	Kinh tế vi mô 1	3	3
10	CLCMA01	Kinh tế vĩ mô 1	3	4

6	CƠ SỞ NGÀNH (lựa chọn 6 tín chỉ)		6	
1	CLCDT19	Đầu tư quốc tế	3	6
2	CLCCL06	Kinh tế vi mô 2	3	6
3	CLCHO10	Kinh tế vĩ mô 2	3	5
4	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	6
5	CLCHV12	Pháp luật doanh nghiệp	3	4
6	CLCQH15	Quan hệ công chúng	3	4
7	CLCTT11	Nguyên lý hệ thống thông tin	3	4
7	NGÀNH BẮT BUỘC		12	
1	CLCTM04	Quản trị nhân lực	3	6
2	CLCTT05	Quản trị vận hành	3	6
3	CLCKD17	Giới thiệu về Kinh doanh	3	2
4	CLCCL06	Quản trị chiến lược	3	7
8	NGÀNH (lựa chọn 6 tín chỉ)		6	
1	CLCTM04	Thương mại quốc tế	3	7
2	ĐNQTO9	Kinh tế quốc tế	3	6
3	LUKT33	Luật kinh doanh và thương mại quốc tế	3	6
4	CLCCU07	Quản trị dự án	3	7
5	CLCKH13	Phân tích và Dự báo Kinh tế vĩ mô	3	6
9	CHUYÊN NGÀNH BẮT BUỘC		12	
1	CLCLV14	Logistic và vận tải quốc tế	3	7
2	CLCKT20	Kế toán quản trị	3	4
3	CLCMR01	Thuế và hệ thống thuế	3	5
4	CLCTC22	Quản trị chuỗi cung ứng	3	7
10	CHUYÊN NGÀNH (lựa chọn 6 tín chỉ)		6	
1	CLCDP08	Đàm phán	3	7
2	CLCDN03	Khởi sự doanh nghiệp	3	7
3	KTKD15	Thương mại điện tử và Kinh tế số	3	5
4	CLCKT13	Phân tích báo cáo tài chính	3	6
5	CLCTH16	Marketing quốc tế	3	7
11	THỰC TẬP VÀ KHÓA LUẬN/MÔN TỐT NGHIỆP		10	
1	TTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	KLTN01	Khóa luận tốt nghiệp **	6	8
3	CLCTN02	Tài chính doanh nghiệp quốc tế	3	8
4	CLCTN03	Quản trị Marketing quốc tế	3	8
TỔNG (Không bao gồm GDTC & GDQP)			132	

Ghi chú:

(*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo; TC- tín chỉ.

(**) Tùy kết quả học tập mà sinh viên sẽ làm KLTN mục 2 hoặc học 2 môn thay thế ở mục 3 và 4.

12. Đối sánh CTĐT khác

Mã HP	Tên học phần	CT1	CT2	CT3	CT4	CT5
THML04	Triết học Mác-Lênin	c	c	c	x	x
THKT05	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	c	c	c	x	x
THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	c	c	c	x	x
THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	c	c	c	x	x
THĐL04	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	c	c	c	x	x
TOCC03	Toán cao cấp 1	c	c	c	c	c
TOCC02	Toán cao cấp 2	c	c	c	c	c
TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	c	c	c	c	c
PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	c	c	c	x	x
TOĐC06	Tin học đại cương	c	c	c	c	c
GDQP02	Giáo dục quốc phòng *	c	c	c	x	x
GDTC08	Giáo dục thể chất 1 *	c	c	c	c	c
GDTC06	Giáo dục thể chất 2 *	c	c	c	c	c
GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	c	c	c	c	c
NNIL1.1	Tiếng Anh IELTS 1.1	c	c	c	x	x
NNIL1.2	Tiếng Anh IELTS 1.2	c	c	c	x	x
NNIL1.3	Tiếng Anh IELTS 1.3	c	c	c	x	x
NNIL1.4	Tiếng Anh IELTS 1.4	c	c	c	x	x
CLCMI01	Kinh tế vi mô 1	c	c	c	c	c
CLCMA01	Kinh tế vĩ mô 1	c	c	c	c	c
QLCD01	Chuyên đề thực tế	c	c	c	c	c
CLCTC18	Tài chính doanh nghiệp	c	c	c	c	c
TOKT05	Kinh tế lượng	c	c	c	x	x
LUQT03	Pháp luật kinh tế	c	c	c	c	c
CLCHO10	Quản trị học	c	c	c	c	c
CLCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	c	c	c	x	x
CLCMR24	Marketing căn bản	c	c	c	c	c
CLCKT21	Nguyên lý kế toán	c	c	c	c	c
CLCDT19	Đầu tư quốc tế	c	c	c	x	x
CLCCL06	Kinh tế vi mô 2	c	c	c	x	x
CLCHO10	Kinh tế vĩ mô 2	c	c	c	x	x

TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	c	x	c	x	x
CLCHV12	Pháp luật doanh nghiệp	c	c	c	x	x
CLCQH15	Quan hệ công chúng	c	c	c	x	x
CLCTT11	Nguyên lý hệ thống thông tin	c	c	c	x	x
CLCTM04	Quản trị nhân lực	c	c	c	c	c
CLCTT05	Quản trị vận hành	c	c	c	c	c
CLCKD17	Giới thiệu về Kinh doanh	c	c	c	c	c
CLCCL06	Quản trị chiến lược	c	c	x	c	c
CLCTM04	Thương mại quốc tế	c	c	c	x	x
ĐNQ09	Kinh tế quốc tế	x	x	c	x	x
LUKT33	Luật kinh doanh và thương mại quốc tế	x	c	x	c	c
CLCCU07	Quản trị dự án	x	c	c	c	c
CLCKH13	Phân tích và Dự báo Kinh tế vĩ mô	x	c	c	x	x
CLCLV14	Logistic và vận tải quốc tế	c	c	c	c	c
CLCKT20	Kế toán quản trị	c	c	x	c	c
CLCMR01	Thuế và hệ thống thuế	x	c	c	x	c
CLCTC22	Quản trị chuỗi cung ứng	c	c	c	c	c
CLCDP08	Đàm phán	x	c	c	x	x
CLCDN03	Khởi sự doanh nghiệp	c	c	c	x	x
KTKD15	Thương mại điện tử và Kinh tế số	c	c	c	x	x
CLCKT13	Phân tích báo cáo tài chính	x	c	c	x	x
CLCTH16	Marketing quốc tế	x	c	x	c	c
TTN01	Thực tập tốt nghiệp	c	c	c	c	c
KLTN01	Khóa luận tốt nghiệp **	c	c	c	c	c
CLCTN02	Tài chính doanh nghiệp quốc tế	x	c	c	x	x
CLCTN03	Quản trị Marketing quốc tế	x	c	c	x	x

Chú ý:

+ C: Học phần có nội dung gần/ tương thích,

+ X: Không

- CT1: Chương trình CLC Quản trị Kinh doanh Trường Đại học Ngoại thương

- CT2: Chương trình CLC Quản trị Kinh doanh Đại Học Kinh tế Quốc Dân

- CT3: Chương trình CLC Quản trị Kinh doanh Đại Học Kinh Tế Đại Học Quốc Gia Hà Nội

- CT4: chương trình Tài chính Trường Đại học Middelsex – Anh quốc

- CT5: Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị Kinh doanh tại Trường Quản trị (School of Management), Đại học Purdue (Purdue University), Hoa Kỳ.

13. Hướng dẫn thực hiện

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

- Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Học viện đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên, trừ học kỳ đầu tiên các học kỳ kế tiếp sinh viên được điều chỉnh đăng ký số tín chỉ/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.

- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

- Khi sinh viên hoàn thành trình độ năm thứ nhất, nếu đạt các điều kiện theo yêu cầu của *Quy định sinh viên đại học hệ chính quy học cùng lúc hai chương trình đào tạo tại Học viện Chính sách và Phát triển* sinh viên có thể được đăng ký học cùng lúc hai chương trình vào bất kỳ chương trình/ngành của Học viện.

- Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung cần đạt được chuẩn đầu ra (CLO) của từng học phần được mô tả, quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

VIỆN TRƯỞNG



PGS,TS. Đào Hoàng Tuấn

GIÁM ĐỐC



PGS,TS. Trần Trọng Nguyên